



Thứ năm, ngày 23 tháng 8 năm 2018

Vietnam Daily Review

Vận động tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/8/2018		•	
Tuần 20/8-24/8/2018		•	
Tháng 8/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index vận động trên ngưỡng tham chiếu cả phiên với sự hỗ trợ của cặp đôi VIC và VHM
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VHM (+1.67 điểm); VIC (+1.00 điểm); VCB (+0.79 điểm); BVH (+0.76 điểm); BID (+0.59 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm MSN (-0.29 điểm); NVL (-0.25 điểm); CTG (-0.17 điểm); VJC (-0.15 điểm); PME (-0.12 điểm)
- Dòng tiền phân bổ nhiều vào dòng cổ phiếu vật liệu và xây dựng cũng như một vài cổ phiếu cao su
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3,209.7 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 7.3 điểm. Thị trường có 149 mã tăng và 128 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 5.21 điểm, đóng cửa tại 987.36 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.53 điểm lên 110.52 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 121.23 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (-80.1 tỷ), VHM (-50.4 tỷ) và NVL (-31.6 tỷ). Cùng lúc đó, họ bán ròng 4.27 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Thị trường phiên hôm nay có tín hiệu tích lũy tích cực tại nhóm cổ phiếu dẫn dắt ngành ngân hàng và bất động sản. Dòng tiền cũng lan tỏa ra các nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ như dòng cao su, sẫm lớp với mã DRC và PHR tăng mạnh. Dòng vật liệu và xây dựng cũng có quá trình hồi phục tốt nhưng yếu hơn những phiên trước. Trong những phiên tới, nhiều khả năng nhóm ngân hàng sẽ tiếp tục dẫn dắt thị trường với sự gia tăng về điểm số và dòng tiền giúp tạo động lực cho thị trường chung tiến đến vùng tâm lý 1,000 điểm.

Phân tích kỹ thuật:

REE_ Vượt MA200

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 987.36

Giá trị: 3209.69 tỷ **5.21 (0.53%)**

Khối ngoại (ròng): -123.16 tỷ

HNX-INDEX 110.52

Giá trị: 472.01 tỷ **0.53 (0.48%)**

Khối ngoại (ròng): -4.27 tỷ

UPCOM-INDEX 51.42

Giá trị: 220.4 tỷ **-0.18 (-0.35%)**

Khối ngoại (ròng): -1.37 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	67.6	-0.32%
Giá vàng	1,189	-0.59%
Tỷ giá USD/VND	23,275	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	26,889	-0.01%
Tỷ giá JPY/VND	21,006	-0.16%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.6%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SCS	42.1	VIC	80.1
VNM	28.4	VHM	50.4
SBT	14.6	NVL	31.6
VCB	12.6	SCR	25.4
BVH	9.1	VRE	17.9

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

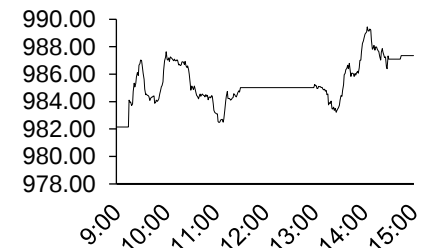
Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Trần Thành Hưng

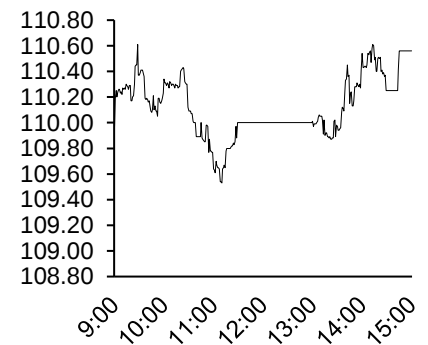
hungtt@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1809	960.6	0.4%	-3.4%
VN30F1810	961.0	0.6%	17.0%
VN30F1812	959.0	0.1%	-28.1%
VN30F1903	962.3	0.4%	-35.7%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VRE	41	1.6	1.0
VIC	105	1.0	0.9
VCB	63	1.1	0.4
REE	36	3.4	0.4
FPT	44	0.8	0.3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	91	-1	-0.6
NVL	64	-1	-0.5
VJC	151	-1	-0.4
VPB	25	0	-0.3
KDC	31	-3	-0.2

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
CTG	7.0	26.1	25	27	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VHM	6.6	111.9	103	114	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
ACB	5.0	38.2	36	38	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
BID	4.8	33.1	28	33	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
VJC	4.2	151.0	144	155	NGỪNG BÁN	Hồi phục giá trong ngắn hạn
PVS	4.2	20.1	18	21	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
SSI	2.7	30.6	29	32	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VCB	3.5	62.6	59	64	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
ROS	3.5	42.7	41	44	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
REE	3.0	36.4	33	38	MUA	Tăng giá kéo dài

Phân tích kỹ thuật

REE_ Vượt MA200

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Trên mức 0
- Chỉ báo RSI: Phân kỳ dương, tiếp cận quá mua
- Khối lượng giao dịch tăng 200% so với trung bình 20 phiên giao dịch

Nhận định: REE sau quá trình tích lũy gần 1 tháng thì cổ phiếu này đã vượt qua ngưỡng kháng cự mạnh là SMA200 với khối lượng cao đột biến. Đây là tín hiệu rất tích cực cho trung và dài hạn do đây mà một trong những cổ phiếu đầu tiên bám lên SMA200 trên thị trường. Tuy nhiên cổ phiếu này sẽ gặp kháng cự rất mạnh vùng 40 và cần tích lũy tại đây.



Created with Amibroker - advanced charting and technical analysis software. <http://www.amibroker.com>

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	36.40	11.3%	30.1	37.6
2	PLX	31/7/2018	60.50	65.90	8.9%	55.7	69.6
3	TCM	7/8/2018	19.55	21.90	12.0%	18.0	22.5
4	HT1	22/8/2018	12.60	12.80	1.6%	11.6	14.5
Trung bình					10.8%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá	Giá hiện tại	Hiệu suất	Dừng	Mục
1	MBB	27/4/2015	13.8	23.45	69.9%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	38.10	49.6%	24.2	43.5
3	HCM	18/09/2017	41.9	58.30	39.1%	39.8	60.0
4	GEX	2/4/2018	29.4	29.80	1.4%	27.9	40.0
Trung bình					40.0%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá	Giá hiện tại	Hiệu suất	Dừng	Mục
1	PVT	23/06/2016	11.1	17.0	53.2%	17.0	22.7
2	CTI	29/07/2017	29.7	31.2	5.1%	31.2	36.3
3	ACB	2/2/2018	37.3	38.2	2.4%	35.4	45.0
4	PNJ	21/08/2018	105.0	103.8	-1.1%	95.0	125.0
Trung bình					14.9%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	121.9	0.2%	0.6	1,711	2.4	8,472	14.4	5.2	49.0%	43.9%	
PNJ	Bán lẻ	103.8	-0.1%	0.9	732	2.0	5,110	20.3	3.4	49.0%	34.4%	
BVH	Bảo hiểm	91.0	4.0%	1.5	2,773	0.8	1,816	50.1	4.2	24.7%	8.5%	
PVI	Bảo hiểm	29.0	-1.0%	0.7	291	0.2	1,984	14.6	1.0	43.9%	10.3%	
VIC	Bất động sản	104.6	1.0%	1.0	14,515	8.2	1,255	83.4	7.4	7.6%	10.8%	
VRE	Bất động sản	40.6	1.6%	1.1	3,356	2.4	791	51.3	3.0	31.6%	5.7%	
NVL	Bất động sản	64.0	-1.4%	0.8	2,525	1.9	2,534	25.3	4.2	9.0%	18.7%	
REE	Bất động sản	36.4	3.4%	1.0	491	3.0	5,319	6.8	1.3	49.0%	20.9%	
DXG	Bất động sản	27.9	0.0%	1.5	415	2.3	2,870	9.7	2.3	45.6%	26.2%	
SSI	Chứng khoán	30.6	1.2%	1.3	664	2.7	2,585	11.8	1.7	55.3%	14.4%	
VCI	Chứng khoán	59.5	0.0%	1.0	419	0.5	4,289	13.9	3.2	41.3%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	58.3	-0.3%	1.3	328	0.3	6,129	9.5	2.6	60.7%	29.3%	
FPT	Công nghệ	44.4	0.8%	0.8	1,184	1.9	5,094	8.7	2.3	49.0%	28.6%	
FOX	Công nghệ	52.0	0.0%	0.4	511	0.0	3,453	15.1	3.9	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	100.4	0.4%	1.6	8,355	1.5	5,796	17.3	4.4	3.5%	27.4%	
PLX	Dầu khí	65.9	0.5%	1.5	3,320	1.5	3,240	20.3	4.1	10.9%	18.3%	
PVS	Dầu khí	20.1	1.5%	1.8	390	4.2	1,248	16.1	0.9	19.1%	5.3%	
BSR	Dầu khí	16.8	0.6%	0.8	2,265	0.9	#N/A	N/A	#N/A	N/A	44.4%	23.0%
DHG	Dược	96.0	-0.9%	0.4	546	0.6	4,035	23.8	4.3	46.3%	18.4%	
DPM	Hóa chất	17.8	0.0%	1.0	303	0.2	1,444	12.3	0.9	20.2%	8.0%	
DCM	Hóa chất	10.3	0.0%	0.7	237	0.1	790	13.0	0.8	4.0%	6.6%	
VCB	Ngân hàng	62.6	1.1%	1.4	9,792	3.5	3,140	19.9	3.8	20.8%	20.5%	
BID	Ngân hàng	33.1	1.7%	1.7	4,913	4.8	2,344	14.1	2.3	2.5%	16.8%	
CTG	Ngân hàng	26.1	-0.6%	1.6	4,225	7.0	2,085	12.5	1.4	30.0%	12.2%	
VPB	Ngân hàng	25.4	-0.4%	1.2	2,676	3.3	2,663	9.5	2.2	23.5%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	23.5	0.2%	1.2	2,203	3.8	2,113	11.1	1.7	20.0%	16.3%	
ACB	Ngân hàng	38.2	1.1%	1.1	1,801	5.0	3,320	11.5	2.4	30.0%	17.5%	
BMP	Nhựa	53.5	-1.1%	0.8	190	0.1	5,642	9.5	1.8	75.0%	19.6%	
NTP	Nhựa	44.5	1.1%	0.5	173	0.0	4,932	9.0	1.9	23.0%	22.0%	
MSR	Tài nguyên	26.9	1.9%	1.2	841	0.1	286	94.1	1.7	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	38.1	0.3%	0.9	3,518	6.4	4,210	9.0	2.2	38.7%	30.1%	
HSG	Thép	10.5	1.0%	1.3	175	1.2	1,861	5.6	0.8	20.5%	14.0%	
VNM	Tiêu dùng	163.3	0.2%	0.6	10,304	2.9	6,078	26.9	9.1	59.1%	34.9%	
SAB	Tiêu dùng	212.5	-0.2%	0.8	5,925	0.7	7,082	30.0	8.7	9.7%	31.2%	
MSN	Tiêu dùng	91.2	-0.9%	1.2	4,176	1.1	5,370	17.0	5.6	28.9%	32.2%	
SBT	Tiêu dùng	19.2	0.0%	0.8	414	2.5	1,053	18.2	1.5	7.9%	11.1%	
ACV	Vận tải	83.4	-0.5%	0.8	7,894	0.1	1,883	44.3	6.6	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	151.0	-0.6%	1.1	3,556	4.2	9,463	16.0	7.7	24.6%	67.1%	
HVN	Vận tải	39.0	-1.0%	1.7	2,119	1.6	1,727	22.6	3.2	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	26.6	-0.4%	0.9	333	0.7	6,223	4.3	1.3	20.4%	30.1%	
PVT	Vận tải	17.0	0.3%	0.9	208	0.1	2,189	7.8	1.3	34.1%	17.4%	
VCS	Vật liệu xây dựng	88.6	1.8%	0.9	616	0.8	5,657	15.7	5.2	2.5%	46.4%	
VGC	Vật liệu xây dựng	17.2	1.8%	0.9	335	0.9	1,354	12.7	1.2	24.2%	10.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	12.8	1.6%	0.6	212	0.4	1,537	8.3	0.9	5.6%	10.9%	
CTD	Xây dựng	155.0	0.0%	0.7	528	0.5	20,360	7.6	1.6	42.5%	22.5%	
VCG	Xây dựng	17.6	2.3%	1.3	338	1.1	2,716	6.5	1.2	10.8%	20.4%	
CII	Xây dựng	26.1	-0.4%	0.5	278	0.1	(61)	#N/A	N/A	1.3	56.0%	-0.3%
POW	Điện	13.2	0.8%	0.6	1,344	0.3	1,026	12.9	1.2	67.0%	9.1%	
NT2	Điện	26.7	1.5%	0.7	334	0.1	2,912	9.2	2.1	21.6%	19.5%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	111.90	1.82	1.67	1.37MLN
VIC	104.60	0.97	1.00	1.81MLN
VCB	62.60	1.13	0.79	1.30MLN
BVH	91.00	4.00	0.76	219700.00
BID	33.05	1.69	0.59	3.34MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	91.20	-0.87	-0.29	269120.00
NVL	64.00	-1.39	-0.25	687130.00
CTG	26.10	-0.57	-0.17	6.14MLN
VJC	151.00	-0.59	-0.15	643710.00
PME	67.50	-6.90	-0.12	24440.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	13.00	7.00	0.00	18600.00
TMT	6.92	6.96	0.01	46920.00
BRC	10.00	6.95	0.00	40.00
SJF	27.70	6.95	0.04	203070.00
PGD	37.80	6.93	0.07	1060.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HOT	26.00	-6.98	-0.01	210.00
CMT	8.14	-6.97	0.00	1590.00
YEG	181.90	-6.96	-0.12	14060.00
PME	67.50	-6.90	-0.12	24440.00
PIT	6.76	-6.89	0.00	5000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	38.20	1.06	0.44	3.01MLN
PVS	20.10	1.52	0.07	4.83MLN
VGC	17.20	1.78	0.06	1.24MLN
VCS	88.60	1.84	0.05	201500.00
VIX	7.40	8.82	0.03	1.01MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHC	67.10	-9.93	-0.07	100.00
DL1	36.60	-1.08	-0.02	8600.00
DBC	26.40	-1.12	-0.02	25600.00
L14	39.50	-3.66	-0.02	82200.00
V21	12.90	-9.79	-0.02	100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

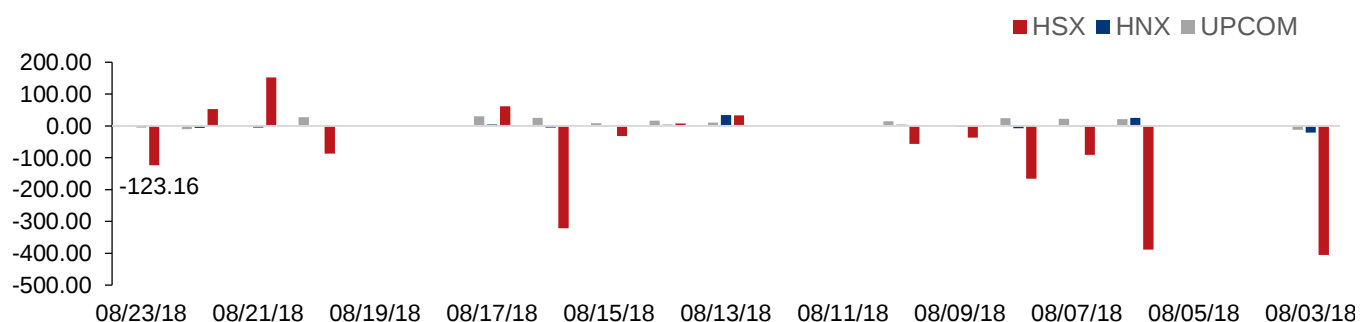
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVV	0.80	14.29	0.00	39200.00
FID	2.20	10.00	0.00	159500.00
SRA	39.90	9.92	0.01	101800.00
AMV	20.00	9.89	0.01	409600.00
NBW	18.10	9.70	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.80	-11.11	-0.01	59800.00
TTC	9.10	-9.90	0.00	31100.00
VC9	4.60	-9.80	0.00	10100.00
VNF	9.30	-9.71	-0.01	100.00
HHC	5.80	-9.38	0.00	500.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
3	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
4		Phân tích vĩ mô		Click	
5	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
9	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
12	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
16	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
17	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su	Phân tích ngành		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.5	170	85.1	1.2	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	26.7	2,912	9.2	2.1	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.1	1,003	14.1	1.2	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	27.5	-831	#N/A N/A	2.1	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	38.2	3,320	11.5	2.4	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	40.6	5,570	7.3	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	16.7	1,063	15.7	1.5	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	17.0	2,189	7.8	1.3	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	38.1	4,210	9.0	2.2	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	27.9	2,870	9.7	2.3	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	11.7	2,478	4.7	0.9	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	38.7	5,765	6.7	2.1	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	44.4	5,094	8.7	2.3	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	62.6	3,140	19.9	3.8	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	20.1	1,248	16.1	0.9	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	23.5	2,113	11.1	1.7	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	155.0	20,360	7.6	1.6	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	7.0	-671	#N/A	0.5	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	88.5	18,378	4.8	1.4	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	103.8	5,110	20.3	3.4	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

